TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN V** **TỈNH N** **----------** ***Số: 69/2018/QĐST- HNGĐ***	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập- Tự do- Hạnh phúc *V, ngày 02 tháng 8 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 85/2018/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: **Chị Mai Thị H**, sinh năm 1989; trú tại: thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: **Anh Trần Ngọc H1**, sinh năm 1981; trú tại: thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N.

- Căn cứ vào các Điều 147, 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 55, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bẩy ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Mai Thị H, sinh năm 1989; trú tại: thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N.

Bị đơn: Anh Trần Ngọc H1, sinh năm 1981; trú tại: thôn M, xã G, huyện V, tỉnh N.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị Mai Thị H và anh Trần Ngọc H1 xác định có với nhau hai con chung là các cháu Trần Hoàng A, sinh ngày 02/9/2011 và cháu Trần Gia H2, sinh ngày 17/11/2015. Giao các cháu Trần Hoàng A và Trần Gia H2 cho chị Mai Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 8/2018 cho đến khi các cháu Hoàng A và Gia H2 đủ 18 tuổi. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Hằng. Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

2.2. Về tài sản và công nợ chung: Chị Mai Thị H và anh Trần Ngọc H1 tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Mai Thị H phải nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Hằng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/0001084, ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V. Chị H được trả lại số tiền 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh N;*
- *VKSND huyện V;*
- *Chi cục THADS huyện V;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã G;*
- *Lưu HS, VP.*

THẨM PHÁN

Hà Thiện Thành